TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Văn Sơ
2. Ông Vũ Hữu Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020:

Nguyên đơn: Chị NguyễnThị Phương T, sinh năm 1978. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tiểu khu B,M, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở: Tiểu khu 19/5, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chiến T, sinh năm 1978. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Tiểu khu B, M, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năn 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T bày như sau:

Chị T và anh Nguyễn Chiến T kết hôn với nhau từ năm 2002 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 24/11/2002. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cũng không được hòa thuận hòa thuận hạnh phúc. Trước đây anh T làm giáo viên trường TTHCS Phiêng Pằn do mắc vào tệ nạn và đã bị đuổi việc, năm 2010 anh T bị bắt đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện 03 xã Cò Nòi, sau khi về anh T không không thay đổi khiến cuộc sống gia đình ngày càng bế tắc, anh vẫn sử

dụng ma túy giây ảnh hưởng đến gia đình. Đến năm 2018 anh T lại bị bắt đi cai nghiện tại trại 06 hai năm khi về anh chị lại xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T ghen tuông vô cớ vợ chồng xảy ra xô xát ảnh hưởng đến các con. Sau đó anh chị đã sống ly thân từ ngày 18/07/2020. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chiến T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 18/11/2003 và cháu Nguyễn Văn Thái P, sinh ngày 11/09/2013. Từ khi sống ly thân hai cháu ở với chị T. Nguyện vọng của chị là sau khi ly hôn vẫn được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Nguyện vọng của hai cháu là cũng mong muốn được ở với mẹ. Nếu được nuôi dưỡng các cháu chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị anh chị không vay nợ ai cũng không có ai vay nợ tài sản.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã nhiều lần triệu tập anh T đến để làm việc. Tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do và không gửi bản tự khai cho Tòa, cũng không đề nghị Tòa án lấy lời khai. Tại buổi làm việc trực tiếp với anh T tại gia đình có sự tham gia chứng kiến của chính quyền địa phương. Anh T không đồng ý làm việc, không ký vào các biên bản làm việc, tống đạt của Tòa án.

Căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú. Kết quả xác định: Về quá trình chung sống và kết hôn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng đúng như nội dung trình bày của chị T đã trình bày. Khi anh chị ở chung thường xuyên mâu thuẫn, đánh đập nhau, gây thương tích cho nhau. Chị T và anh T có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu Bình Minh, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, thời gian còn sống chung với nhau anh chị về ở cạnh bố mẹ đẻ của chị T ở tiểu khu 19/5, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Khi mâu thuẫn sảy ra anh T, chị T sống ly thân. Anh T đã về tiểu khu Bình Minh để sinh sống cùng nhà với mẹ đẻ của anh. Về con chung, anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 18/11/2003 và cháu Nguyễn Văn Thái Phúc, sinh ngày 11/09/2013. Khi ly thân hai cháu do chị T nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Do anh T vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Chị T có đơn không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham

gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyễn Thị Phương T đối với anh Nguyễn Chiến T. Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 18/01/2003 và cháu Nguyễn Văn Thái Phúc, sinh ngày 11/09/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/10/2020, chị Nguyễn Thị Phương T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Chiến T: Địa chỉ: Tiểu khu Bình Minh, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 11/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2020 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Chiến T trong các buổi tham gia làm việc tại Tòa. Tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do. Anh T cũng không viết bản tự khai, không đề nghị Tòa án lấy lời khai. Chị T cũng có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Anh T được tống đạt quyết định xét xử hợp lệ và vắng mặt lần thứ hai liên tiếp tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Chiến T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2002, anh chị đã được UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/11/2002. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hòa thuận, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T mắc vào tệ nạm xã hội và đã phải đi cai nghiện 02 lần, kinh tế gia đình không có. Mâu thuẫn của vợ chồng làm ảnh hưởng tới sự phát triển của các con. Anh chị sống ly thân từ ngày 18/ 07/2020 cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân anh chị không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 18/01/2003 và cháu Nguyễn Văn Thái Phúc, sinh ngày 11/09/2013. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Chị T hiện đang làm giáo viên tại trường trung học cơ sở Bình Minh, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Mức thu nhập ổn định với mức lương hàng tháng là 9.000.000đ, và giờ làm việc ổn định. Có thể chăm sóc tốt cho các cháu. Anh T vừa cai nghiện tại trung tâm giáo dục lao động tỉnh Sơn La về. Công việc không ổn định. Từ khi sống ly thân, hai cháu Linh và Phúc do một mình chị T chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh T không quan tâm, chăm sóc các con. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do chị T không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị Phương T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Chiến T.

2. Về con chung: Chị T, anh T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 18/01/2003 và cháu Nguyễn Văn Thái Phúc, sinh ngày 11/09/2013. Giao cháu Linh và cháu Phúc cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cả hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000189 ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Cò Nòi, Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga